

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HNV-VNF/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOÀNG NGUYỄN VŨ VIỆT NAM

Địa chỉ: 11/204 Trần Quý Cáp, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 098.678.1686

Email: hoangnguyenvufoods@ gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 5901099106

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG HOÀNG NGUYỄN

2. Thành phần: Nước tương, muối, đường, ngũ vị hương.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm Nước tương Hoàng Nguyễn được đựng trong chai PET, chai PP khô, sạch, chuyên dùng cho thực phẩm với thể tích: 200ml, 500ml, 1 lít, 5 lít, 30 lít.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Hộ kinh doanh Vũ Đăng Khoa (Cơ sở Sản Xuất Kinh Doanh Hoàng Nguyễn)

Địa chỉ: Thôn Pleiku Roh, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 27/2018/NNPTNT-GL, Ngày cấp 25/6/2018, Nơi cấp: Phòng Kinh tế thành phố Pleiku.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (theo mẫu nhãn dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 1863:2008 về Nước tương.
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Khoa

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



HOÀNG NGUYỄN

NƯỚC TƯƠNG



Thành phần: Nước tương, muối, đường, ngũ vị hương
Hướng dẫn sử dụng: Ăn liền với bánh mì, thịt quay, làm nước chấm và nêm với các món ăn khác
Bảo quản: Để nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp hoặc để trong ngăn mát tủ lạnh.

Số tự CB: 02/HNV-VNF/2018
CSDĐK ATTP số: 27/2018/NNPTNT-GL

Sản phẩm của
CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM HOÀNG NGUYỄN VŨ VIỆT NAM
Địa chỉ: 11/204 Trần Quý Cáp, TP. Pleiku, Gia Lai.
Điện thoại: 098.678.1686
Email: hoangnguyenvufoods@gmail.com
Facebook: Pate Hoàng Nguyễn
SX tại: Cơ sở Sản Xuất Kinh Doanh Hoàng Nguyễn
Địa chỉ: Thôn Pleiku Rơh - P. Yên Đỗ - TP. Pleiku - Gia Lai

*Khuyến cáo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

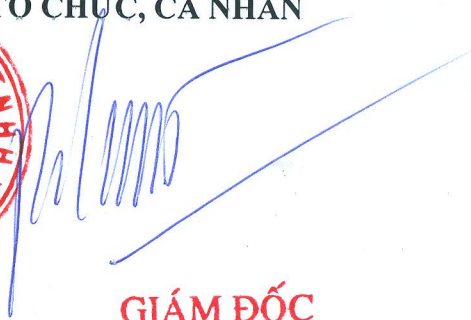
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

SẢN PHẨM AN TOÀN
VÌ SỨC KHỎE
CỘNG ĐỒNG VÀ TOP 50
THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU
VIỆT NAM



NSX : HSD : 06 tháng kể từ ngày sản xuất. KLT : g

Pleiku, ngày 28 tháng 08 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Khoa

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số /No: 1807011629-2

Ngày/ Date: 30/07/2018

Tên khách hàng / Client's name: Công ty TNHH Hoàng Nguyên Vũ VN Foods

Địa chỉ / Address: 11/204 Trần Quý Cáp, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Tên mẫu/ Name of Sample: Nước tương Hoàng Nguyên

Mô tả mẫu/ Sample description: Nước tương chứa trong chai nhựa

Số niêm phong / Seal No.: Không niêm

Ngày nhận mẫu/ Receiving date: 24/07/2018

Ngày phân tích/ Analysing date: 24/07/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu/Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	Phương pháp/Test method
Total Plate Count/Tổng vi sinh vật hiếu khí (30oC)	CFU/ml	<1	-	ISO 4833-1:2013 (*)
Coliforms	CFU/ml	<1	-	ISO 4832:2006 (*)
Escherichia coli	/ml	Not detected	-	ISO 7251:2005 (*)
Total the spores of Yeast, Mould/Tổng bào tử men mốc	CFU/ml	<1	-	FDA/BAM CHAPTER 18:2001
Clostridium perfringens	CFU/ml	<1	-	ISO 7937:2004 (*)
Salmonella spp.	/25ml	Not detected	-	ISO 6579-1:2017 (*)
Staphylococcus aureus	MPN/ml	0	-	ISO 6888-3:2003 (*)
Aflatoxin B1	µg/kg	Not detected	0.5	WRT/TM/CH/01.13 (LC/MS/MS) (*)
Total Aflatoxin/Aflatoxin tổng	µg/kg	Not detected	0.5	WRT/TM/CH/01.13 (LC/MS/MS) (*)
Deoxynivalenol	µg/kg	Not detected	50	WRT/TM/CH/01.20 (LC/MS/MS) (*)
Ochratoxin A	µg/kg	Not detected	1	WRT/TM/CH/01.10 (LC/MS/MS) (*)
Zearalenone	µg/kg	Not detected	20	WRT/TM/CH/01.20 (LC/MS/MS) (*)
Characteristic/ Trạng thái	-	Dạng lỏng, đồng nhất	-	WRT/TM/NC/01.40
Color/ Màu sắc	-	Sản phẩm có màu nâu sẫm	-	WRT/TM/NC/01.40
Impurities/ Tạp chất	-	Không có	-	WRT/TM/NC/01.40

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số /No: 1807011629-2

Ngày/ Date: 30/07/2018

Tên khách hàng / Client's name: Công ty TNHH Hoàng Nguyên Vũ VN Foods**Địa chỉ / Address:** 11/204 Trần Quý Cáp, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai**Tên mẫu/ Name of Sample:** Nước tương Hoàng Nguyên**Mô tả mẫu/ Sample description:** Nước tương chứa trong chai nhựa**Số niêm phong / Seal No.:** Không niêm**Ngày nhận mẫu/ Receiving date:** 24/07/2018**Ngày phân tích/ Analysing date:** 24/07/2018

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Chỉ tiêu/Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	Phương pháp/Test method
NaCl	g/100ml	14.0	-	TCVN 3701:1990
Odor, taste/ Mùi, vị	-	Mùi, vị đặc trưng của sản phẩm. Không có mùi, vị lạ	-	WRT/TM/NC/01.40
Soluble solids (excluding salt)/ Hàm lượng chất tan không kể muối	g/100ml	30.33	-	TCVN 1764 : 2008
Total acidity (as acetic acid)/ Hàm lượng acid (tính theo acid acetic)	g/100ml	0.83	-	TCVN 3702:2009(*)
Total nitrogen/ Nitơ tổng	g/100ml	0.89	-	TCVN 3705:1990(*)
Arsenic/ Asen (As)	mg/kg	Not detected	0.05	AOAC 2013.06 (*)
Cadmium/ Cadimi (Cd)	mg/kg	Not detected	0.025	AOAC 2013.06 (*)
Lead/ Chì (Pb)	mg/kg	0.13	0.04	AOAC 2013.06 (*)
Mercury/ Thủy ngân (Hg)	mg/kg	Not detected	0.02	AOAC 2013.06 (*)
3-MCPD	µg/L	Not detected	30	WRT/TM/CH/04.10 (GC/MS)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số /No: 1807011629-2

Ngày/ Date: 30/07/2018

Tên khách hàng /Client's name: Công ty TNHH Hoàng Nguyên Vũ VN Foods

Địa chỉ /Address: 11/204 Trần Quý Cáp, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Tên mẫu/ Name of Sample: Nước tương Hoàng Nguyên

Mô tả mẫu/ Sample description: Nước tương chứa trong chai nhựa

Số niêm phong /Seal No.: Không niêm

Ngày nhận mẫu/ Receiving date: 24/07/2018

Ngày phân tích/ Analysing date: 24/07/2018

ICP * S

WARRANTEK

Note/ Ghi chú:

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS

(**) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Parameter is tested by subcontractor

- Tên mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample is written as client's request.

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This result is valid on tested sample only.

- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám Đốc công ty cổ phần Warrantek/

This test report shall not be reproduced except in full without the written approval of Director of Warrantek

Phòng kiểm nghiệm/ Laboratory



Nguyễn Hữu Truyền

Đại diện công ty/ On behalf of Warrantek



Phạm Bích Kiều